

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA VÌ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 8 năm 2020

“*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trọng Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Thuật và ông Nguyễn Văn Trình.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa:*** Ông Ông Đỗ Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020. Tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 236/2020/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991.

*2. Bị đơn:* Anh Chu Văn T, sinh năm: 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

*Chị N có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:* Chị và anh T kết hôn ngày 27/4/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn chung sống tại thôn B, xã T, huyện Ba Vì. Chị và anh T chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên chơi bời, lô đề, cờ bạc không quan tâm đến vợ con, nhiều lần đánh đập, chửi bới chị. Hai bên gia đình đã nhiều lần can thiệp, hòa giải nhưng không thành. Chị N đã nhiều lần làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn rồi rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không thay đổi. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh T.

Con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Chu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 15/11/2012; cháu Chu Thị Bảo V, sinh ngày 08/3/2014 và cháu Chu Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 01/3/2020. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị N là giao cả ba con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N giao nộp đơn trình bày của mẹ chị là bà Phùng Thị C xác nhận sẽ tạo mọi điều kiện sinh hoạt tốt nhất để chị N nuôi dưỡng con chung.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức chung: Chị N xác nhận không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày: Anh có kết hôn với chị Nguyễn Thị N ngày 27/4/2012 tại UBND xã T, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách. Nay chị N yêu cầu giải quyết ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn hòa giải để đoàn tụ. Nếu chị N cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý với điều kiện được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung.

Về con chung: Anh T xác nhận có 03 con chung, họ tên ngày tháng năm sinh như chị N trình bày. Hiện cháu C và cháu V đang ở với anh, cháu A đang ở với mẹ.

Nguyện vọng của anh sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T trình bày anh hiện đang làm lái xe, thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng, gia đình anh sẽ tạo mọi điều kiện cho anh để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức chung: Anh T xác nhận là không có.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã T, đại diện UBND xã cho biết: Anh T và chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 27/4/2012, sau khi kết hôn anh T và chị N về chung sống tại nhà anh T ở thôn B, xã T; Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung có 03 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh như anh T và chị N trình bày, khi giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho con chung.

Tại biên bản làm việc tại gia đình anh T, bà Chu Thị U' sinh năm 1962, là mẹ đẻ anh T, cho biết: Trong quá trình chung sống, chị N và anh T có xảy ra mâu thuẫn, gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không được. Chị N vào thời điểm xác minh đã bỏ nhà đi, mang theo cháu Chu Nguyễn Thiên A. Nay chị N có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, gia đình mong muốn anh chị đoàn tụ nhưng nếu chị N kiên quyết yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh chị có 03 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh như anh chị trình bày, gia đình có nguyện vọng sau khi ly hôn để anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức chung anh chị đều không có do còn phụ thuộc kinh tế gia đình.

Tại Bản tự khai ngày 22/6/2020, cháu C trình bày nguyện vọng sau khi ly hôn được ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên do trong quá trình hòa giải anh T tự ý bỏ về nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

\* Tại phiên tòa, hôm nay chị N giữ nguyên yêu cầu, anh T vắng mặt.

**\* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

+ **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ **Về nội dung vụ án:** Cho chị N được ly hôn với anh T. Giao cháu Chu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 15/11/2012 và cháu Chu Nguyễn Thiên A, sinh ngày 01/3/2020 cho cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu Chu Thị Bảo V, sinh ngày 08/3/2014 cho anh T nuôi dưỡng. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị N và anh T cho đến khi có yêu cầu. Về tài sản chung, riêng, nợ chung, công sức chung: Không có. Về án phí chị N phải chịu 300.000 đồng án phí LHST.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về tố tụng: Anh Chu Văn T là bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai anh chị bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xô xát, cãi vã. Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, xin được đoàn tụ nhưng vẫn đồng ý ly hôn nếu chị N đồng ý giao anh nuôi dưỡng 03 con chung. Chị N đã nhiều lần có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn rồi lại rút đơn đề

đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, bản thân hai anh chị đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Chu Nguyễn Bảo C, sinh 15/11/2012; cháu Chu Thị Bảo V, sinh 08/3/2014 và cháu Chu Nguyễn Thiên A, sinh 01/3/2020. Cả anh T và chị N đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cả ba con chung sau khi ly hôn. Nguyện vọng nuôi con chung của chị N và anh T là chính đáng, cháu C có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cháu C và cháu Ân cho chị N, giao cháu V cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, chị N và anh T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức chung: Anh T và chị N trình bày không có.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Chu Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Chu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 15/11/2012 và cháu Chu Nguyễn Thiên A, sinh ngày 01/3/2020 cho chị Nguyễn Thị N, giao cháu Chu Thị Bảo V, sinh ngày 08/3/2014 cho anh Chu Văn T nuôi dưỡng đến khi các cháu C, V, A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác, tạm miễn việc cấp dưỡng

nuôi con đối với chị N và anh T. Chị N và anh T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 19/6/2020 theo biên lai số AA/2012/ 00105.

5. Quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hà Nội
- Viện KSND H. Ba Vì, TP. Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã T, H. Ba Vì, TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Hoàng Trọng Đức***